**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐỨC LINH**
**TỈNH BÌNH THUẬN**
Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2017
V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Đinh Thị Hạnh.

2/Bà Lê Thị Kiều Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Ngọc Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Công Quảng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số101/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/10/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 26/10/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Yến N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà X, đường số L, thôn M, xã B, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hưng Minh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ H, thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Đinh Thị Yến N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hưng Minh T quen nhau khoản 01 năm thì kết hôn. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 01/10/1990, đăng ký kết hôn số 36/KH. Quá trình chung sống thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông T quen người phụ nữ khác và bỏ đi theo người phụ

nữ đó. Ông bà đã ly thân từ năm 1995 đến nay. Về con chung, ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989, cháu Nguyễn Hưng M.A, sinh năm 1990 và cháu Nguyễn Hưng Minh H, sinh năm 1993. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Theo các biên bản xác minh ngày 11/9/2017 của ông Nguyễn Văn T là hàng xóm của ông Nguyễn Hưng Minh T và của ông Nguyễn Văn C là thôn trưởng thôn A, xã B thì được cung cấp các thông tin sau:

- Ông Nguyễn Hưng Minh T hiện đang có mặt tại địa phương và ông T đang sống tại nhà em ruột của ông là bà Nguyễn Thị Minh P tại tổ 8, thôn A, xã B, huyện D. Lần gần nhất ông T có mặt tại nhà là vào ngày 10/9/2017.

- Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và Bà N là do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và ông bà đã ly thân khoảng 20 năm nay.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên hòa giải nhưng ông T không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, HĐXX đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Hưng Minh T là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Bà N và ông T đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 01/10/1990, đăng ký kết hôn số 36/KH. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình hôn nhân thì ông T đã có quan hệ với người phụ nữ khác và ông bà đã ly thân khoản 20 năm nay. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu ly hôn ông, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án. Qua xác minh chính quyền địa phương thấy rằng ông T vẫn đang có mặt và sinh sống tại địa phương nhưng ông cố tình không đến Tòa án. Thấy rằng, ông bà đã ly thân quá lâu, ông T cũng không còn tình cảm với bà N nữa nên bỏ mặc bà muốn làm gì thì làm. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Vì vậy xử cho bà N ly hôn ông T là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Các con của ông bà đã đủ 18 tuổi và bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không cần xem xét trong bản án này.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N là người khởi kiện ly hôn nên bà phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

**1/** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đinh Thị Yến N:

- Bà Đinh Thị Yến N ly hôn ông Nguyễn Hưng Minh T.

**2/** Về án phí DSST: Bà Đinh Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0013221 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà N đã nộp đủ án phí DSST.

**3/** Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/11/2017, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**4/** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *CC THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự*
- *UBND xã C;*
- *TAND tỉnh;*
-*Lưu hồ sơ, bản án./.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Phúc Thị Thu Hà**